

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 36/2021/QĐST-DS

Q, ngày 19 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST-DS ngày 17/3/2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Ch.

Trụ sở chính: Số 22, Ngõ Q, phường Tràng T, quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân Th - Chức vụ: Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản (theo Giấy ủy quyền số: 1077/2020/UQ - PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đại Ch).

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Hồ Việt H - Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản (theo Giấy ủy quyền số: 11139/UQ - PVB ngày 15/6/2020 của Giám đốc khối QL&TCTTS).

Đại diện tham gia tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Ng - Chức vụ: Chuyên viên phòng tố tụng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ngõ S, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 1- Ông Nguyễn Viết Đ, sinh năm 1956 (bố đẻ ông T).
- 2- Bà Lê Thị H, sinh năm 1955 (mẹ đẻ ông T).
- 3- Ông Nguyễn Viết Th, sinh năm 1974 (anh trai ông T).
- 4- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977 (chị dâu ông T).
- 5- Anh Nguyễn Viết Thế A, sinh năm 2000 (cháu anh ông T).

Địa chỉ: Địa chỉ: Ngõ S, thị trấn Quốc O, huyện Quốc O, Thành phố Hà Nội. Ông Đ, bà Hoan, bà M, ông Th và anh A có ủy quyền cho ông Tiến.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1-Xác nhận ông Nguyễn Viết T và bà Nguyễn Thị T còn nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại ch theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 4309/2011/HĐHM-CN.HN ngày 27/9/2011 và khế ước nhận nợ ngày 28/3/2012 cụ thể:

2.2. Ông Nguyễn Viết T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Ch toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi và các loại phí phát sinh theo HĐTD nêu trên, tạm tính đến hết ngày 25/6/2021 Tổng dư nợ: 4.279.807.619 đồng (*bốn tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu tám trăm linh bảy nghìn sáu trăm mười chín đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 59.670.863 đồng; Lãi quá hạn: 3.220.136.756 đồng.

2.3- Kể từ ngày 26/6/2021 ông Nguyễn Viết T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đại ch các khoản nợ lãi, phí phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 4309/2011/HĐHM-CN.HN ngày 27/9/2011 và khế ước nhận nợ ngày 28/3/2012 cho đến khi tất toán các khoản vay. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất

cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).

2.4- Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông T, bà T không trả hết khoản nợ trên, đề nghị Tòa án tuyên trong bản án PVcomBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đại ch: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 233.1, tờ bản đồ số: 01 tại địa chỉ: thôn Ngô S, thị trấn Q, Hà Tây, nay là huyện Q, TP Hà Nội. Diện tích thửa đất: 126 m²; hình thức sử dụng: đất riêng: 126 m², sử dụng chung: 0m²; mục đích sử dụng đất: đất ở: 100m²(thời hạn sử dụng: lâu dài); đất trồng cây lâu năm: 26 m² (thời hạn sử dụng: đến ngày 15/10/ 2043) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 362032, số vào sổ cấp GCN: 01247 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Tây nay là huyện Q, TP Hà Nội cấp ngày 04/10/2006 cho ông Nguyễn Viết T và bà Nguyễn Thị T; Hợp đồng thế chấp số công chứng: 6395.2011/HĐTC ngày 27/9/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long - Hà Nội; Đăng ký giao dịch có bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hà Nội- Chi nhánh huyện Q ngày 28/9/2011.

2.5.Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật là: 56.139.903 đồng. Do bị đơn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có đủ tài sản để nộp tiền án phí, có xác nhận của UBND thị trấn Q ngày 19/ 5/2021 nên xét giảm 50% án phí cho bị đơn. Ông Phạm Viết T và bà Nguyễn Thị T còn phải chịu án phí là: 28.069.951 đồng. Làm tròn là: 28.069.000 (*Hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng*)

Nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại ngân hàng thương mại cổ phần Đại Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.600.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011442 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Kiều Văn Thành